TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 116/2019/DS-ST Ngày 14-11-2019 V/v tranh chấp đòi tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hương
2. Ông Trương Ngọc Điệp

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 289/2019/TLST-DS ngày 10/7/2019 về việc tranh chấp đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Hương G, sinh năm 1984.

Địa chỉ thường trú: phường H, quận H, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên lạc: phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn D, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/6/2019).

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1984;

2.2. Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Khu phố 5, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

3. *Người làm chứng:*

3.1. Bà Cao Thị H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

3.2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: khu đô thị T, quận H, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Ngày 19/12/2018, ông Lê Văn H và bà Trần Thị Hồng N vay bà Đoàn Hương G tổng số tiền 76.000.000 đồng. Bà G đã đưa cho ông H 50.000.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản qua số tài khoản 0281000478125 của bà Trần Thị Hồng N tại Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 19/12/2018 và số tiền 6.000.000 đồng vào ngày 21/12/2018. Do ông H nói đang nợ tiền vì mua đất xây nhà vượt quá khả năng nên hỏi mượn tiền bà G. Vì vậy, ông H hứa hẹn sẽ thanh toán lại cho bà G sau 02 tuần nếu không sẽ bán rẻ cho bà G căn nhà và đất của ông H. Ông H đã cho bà G xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Do đó, hai bên lập giấy nhận tiền mua nhà chứ không lập giấy vay tiền. Ông H cũng đã xác nhận đã nhận đủ tiền. Khi vay tiền, hai bên không có thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, đến hẹn ông H, bà N không trả tiền cho bà G và cũng không bàn giao nhà. Bà G có nhiều lần yêu cầu ông H, bà N trả tiền thì ông H, bà N hứa hẹn trả dần hàng tuần. Đến ngày 26/02/2019, ông H trả lại cho bà G số tiền 3.000.000 đồng thì không trả nữa, còn nợ lại số tiền 73.000.000 đồng. Từ thời điểm đó đến nay, ông H, bà N tránh mặt không trả nợ cho bà G.

Do đó, bà G khởi kiện, yêu cầu ông Lê Văn H và bà Trần Thị Hồng N thanh toán cho bà G số tiền 70.000.000 đồng.

- *Người làm chứng bà Cao Thị H trình bày:*

Ngày 19/12/2018, ông Lê Văn H có gặp bà Đoàn Hương G hỏi vay số tiền 100.000.000 đồng. Bà Trần Thị Hồng N có gọi điện thoại cho bà G để hỏi vay tiền. Bà Đoàn Hương G có giao cho ông H số tiền 50.000.000 đồng và chuyển khoản cho bà N số tiền 20.000.000 đồng. Khi vay tiền có mặt bà G, ông H, ông T và bà H, hai bên thỏa thuận sau 02 tuần ông H sẽ thanh toán đầy đủ nếu không sẽ bán rẻ cho bà G căn nhà ông H, bà N đang sở hữu và xem như tiền vay là tiền đặt cọc mua nhà. Vì vậy, hai bên có lập giấy mua nhà chứ không lập giấy vay tiền để làm căn cứ pháp lý. Ngày 20/12/2018, bà N có nhắn tin hỏi bà G để vay thêm số tiền 10.000.000 đồng, bà G có chuyển khoản cho bà N số tiền 6.000.000 đồng và ngày 21/12/2018 có nhờ bà H gửi cho bà N số tiền 4.000.000 đồng. Tổng số tiền ông H, bà N vay của bà G là 80.000.000 đồng.

- *Người làm chứng ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ngày 19/12/2018, ông Lê Văn H có gặp bà Đoàn Hương G hỏi vay số tiền 100.000.000 đồng. Bà Trần Thị Hồng N có gọi điện thoại cho bà G để hỏi vay tiền. Bà Đoàn Hương G có giao cho ông H số tiền 50.000.000 đồng và chuyển khoản cho bà N số tiền 20.000.000 đồng. Khi vay tiền có mặt bà G, ông H, ông T và bà H, hai bên thỏa thuận sau 02 tuần ông H sẽ thanh toán đầy đủ nếu không

sẽ bán rẻ cho bà G căn nhà ông H, bà N đang sở hữu và xem như tiền vay là tiền đặt cọc mua nhà. Vì vậy, hai bên có lập giấy mua nhà chứ không lập giấy vay tiền để làm căn cứ pháp lý.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lê Văn H, bà Trần Thị Hồng N nhưng ông H, bà N không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Lê Văn H, bà Trần Thị Hồng N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, cần xác định lại quan hệ tranh chấp là "Kiện đòi tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 26 BLTTDS năm 2015 vì hiện nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H, bà N trả số tiền 70.000.000 đồng đã đưa. Căn cứ vào chứng cứ thể hiện nguyên đơn đưa tiền cho bị đơn nhằm mục đích mua lô đất tại địa chỉ khu 3, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, Bình Dương. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đoàn Hương G khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn H, bà Trần Thị Hồng N thanh toán số tiền 70.000.000 đồng trên cơ sở Giấy nhận tiền mua nhà ghi ngày 19/12/2018 nên đây là quan hệ tranh chấp đòi tài sản. Bị đơn ông Lê Văn H, bà Trần Thị Hồng N có nơi cư trú tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Lê Văn H, bà Trần Thị Hồng N đã được triệu tập theo đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai

không có lý do. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Đoàn Hương G căn cứ Giấy nhận tiền mua nhà ghi ngày 19/12/2018 khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn H, bà Trần Thị Hồng N hoàn trả số tiền 70.000.000 đồng. Xét thấy, nội dung Giấy nhận tiền mua nhà ghi ngày 19/12/2018 thể hiện ông Lê Văn H xác nhận có nhận của bà Đoàn Hương G số tiền 70.000.000 đồng và cam kết sẽ hoàn trả cho bà G theo hai đợt kết thúc vào ngày 25/5/2019. Giấy nhận tiền mua nhà ghi ngày 19/12/2018 ông H đã ký tên xác nhận. Đồng thời, qua nội dung sao kê của ngân hàng thể hiện bà G đã chuyển khoản qua số tài khoản 0281000478125 của bà Trần Thị Hồng N tại Ngân hàng N tổng số tiền 26.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi đến hạn ông H, bà N không thực hiện việc thanh toán cho bà G. Quá trình giải quyết vụ án, ông H, bà N không đến tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ông H, bà N đã thực hiện một phần hay toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với bà G. Bà G xác định ngày 26/02/2019, ông H trả lại cho bà G số tiền 3.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 73.000.000 đồng nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 70.000.000 đồng. Do đó, căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật Dân sự, yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Hương G đối với ông Lê Văn H, bà Trần Thị Hồng N về việc thanh toán số tiền 70.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Lê Văn H, bà Trần Thị Hồng N phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 70.000.000 đồng, với số tiền án phí là: 70.000.000 đồng x 5% = 3.500.000 đồng. Bà Đoàn Hương G không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 166, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Hương G đối với bị đơn ông Lê Văn H, bà Trần Thị Hồng N về việc tranh chấp đòi tài sản.

Ông Lê Văn H, bà Trần Thị Hồng N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đoàn Hương G số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn H, bà Trần Thị Hồng N phải chịu số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho bà Đoàn Hương G số tiền 1.925.000 đồng (Một triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0034208 ngày 08/7/2019.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung